

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 13-01-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Bà Lê Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 10, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm: 1975; địa chỉ: 13B Đoàn Thị Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 25-9-2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25-9-2020, bản tự khai ngày 12-10-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Văn H trình bày:

Do có quan hệ quen biết, nên ngày 21-01-2020 bà cho ông Hoàng L vay 116.000.000 đồng để làm ăn, ông L hẹn đến ngày 10-02-2020 sẽ trả đủ số tiền đã

vay. Hết thời hạn cam kết, bà đã nhiều lần yêu cầu ông L trả số tiền trên nhưng ông L không trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L thừa nhận còn nợ bà 116.000.000 đồng và xin bà cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên nhưng bà không đồng ý. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng L phải trả cho bà 116.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông L trả nợ lãi chậm trả vì ông L đang gặp khó khăn.

2. Tại bản tự khai ngày 02-12-2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Hoàng L trình bày: Trước đây ông có vay của bà Lê Thị T 246.000.000 đồng, đã trả 130.000.000 đồng, còn nợ lại 116.000.000 đồng, nên ngày 21-01-2020 ông có viết giấy vay tiền thừa nhận còn nợ bà T 116.000.000 đồng, khi vay không có thỏa thuận trả lãi, hiện nay ông đang gặp khó khăn nên xin bà T cho ông trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc ông Hoàng L phải trả cho bà Lê Thị T 116.000.000 đồng; buộc ông Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thị T khởi kiện bị đơn ông Hoàng L, cư trú tại tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, yêu cầu ông L phải trả số tiền đã vay 116.000.000 đồng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Chứng cứ mà bà T cung cấp để chứng minh cho khởi kiện của bà là giấy vay tiền ngày 21-1-2020 được ông L thừa nhận nên đúng sự thật. Ông L thừa nhận nghĩa vụ nên có căn cứ xác định ông L còn nợ bà T 116.000.000 đồng.

[3] Xét hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà T và ông L là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi, được giao kết hợp pháp, ông L phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến thời hạn đã thỏa thuận. Việc ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, Trong quá trình giải quyết vụ án ông L xin trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được bà T đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc ông Hoàng L phải trả cho bà Lê Thị T 116.000.000

đồng là đúng quy định tại các Điều 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nợ lãi do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên ông L phải chịu 5.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc ông Hoàng L phải trả cho bà Lê Thị T 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Hoàng L phải chịu 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T 3.103.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005555 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu